

Bản án số: 197/2024/KDTM-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Kim Ngân
- Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4065/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 5661/2024/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 8150/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 202/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 79/2024/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 13902/TB-TA ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: Số A phố B, Phường C, quận D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Trần T, trú tại: Gian hàng A1 Tòa nhà B1, số C1 đường D1, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 8 năm 2023). Ông T có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH K1

Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:

Bà Cao Tú T1, trú tại: Số X đường Y, Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH K1). Bà T1 có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Tú T1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số X1 đường Y1, Phường Z1, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP K- Có ông Phạm Văn P- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng TMCP K (Gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH K1 (Gọi tắt là Công ty) đã ký kết Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi (gọi tắt là Hợp đồng), cụ thể như sau: (Đơn vị: đồng)

Khế ước nhận nợ	Mục đích vay	Ngày nhận nợ	Lãi suất	Ngày đến hạn	Thời hạn vay	Số tiền vay (đồng)
HCM2022584 589/HDHMTK	Tiêu dùng	09/7/2022	16%/năm	09/7/2023	12 tháng	382.000.000
Tổng số tiền giải ngân		382.000.000 đồng				

Bà Cao Tú T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ N đã cùng cam kết bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay nêu trên theo Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán (V/v bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Khoản vay tại ngân hàng) ký ngày 09/7/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu trả nợ nhưng Công ty đều không thực hiện.

Tính đến ngày 28/3/2024, dư nợ của Công ty tại Ngân hàng theo hợp đồng số HCM2022584589/HDHMTK là: Nợ gốc: 365.905.977 đồng; Nợ lãi: 105.665.188 đồng; Tổng nợ: 471.571.165 đồng.

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số

tiền nêu trên. Kể từ ngày 29/3/2024, Công ty còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm Hợp đồng hạn mức thấu chi số: HCM2022584589/HDHMTTC ký ngày 09/7/2022 cho đến khi Công ty thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp, Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Cao Tú T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo nội dung tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán ngày 09/7/2022 cho Ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn- Công ty TNHH K1- Có bà Cao Tú T1- Đại diện theo pháp luật trình bày:*

Bị đơn xác nhận tính đến ngày 28/3/2024, dư nợ của Công ty TNHH K1 tại Techcombank theo văn bản Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi số HCM2022584589/HDHMTTC, số tiền gồm: Nợ gốc: 365.905.977 đồng, nợ lãi: 105.665.188 đồng, tổng nợ: 471.571.165 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn đề nghị Nguyên đơn cho Bị đơn trả dần số tiền nợ theo phương thức như sau:

Tháng 4/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 5/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 6/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 7/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 8/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

Tháng 9/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 10/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 11/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 12/2024: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tháng 01/2025: Trả 381.571.165đ (Ba trăm tám mươi một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng) là dứt điểm.

Trong trường hợp, Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Cao Tú T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Bà Cao Tú T1 trình bày:*

Bà T1 thống nhất với ý kiến trình bày của Bị đơn. Trong trường hợp, Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Bà T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:*

Bà đã nghỉ làm, không tham gia hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH K1 (gọi tắt là Công ty), bà không biết về khoản vay này. Bà đã thỏa thuận với Bà T1 về khoản nợ, Bà T1 đồng ý trả nợ một mình không liên quan gì đến bà. Bà yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán ngày 09/7/2022 và Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 09/7/2022. Bà tự nguyện chịu chi phí giám định.

Tại phiên tòa:

Ông Trần T- Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:

Tính đến ngày 21/8/2024, dư nợ của Công ty tại Ngân hàng theo hợp đồng số: HCM2022584589/HDHMTTC là: Nợ gốc: 365.905.977 đồng, nợ lãi: 140.081.938 đồng, tổng nợ: 505.987.915 đồng. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên.

Kể từ ngày 22/8/2024, Công ty còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm Hợp đồng hạn mức thấu chi số: HCM2022584589/HDHMTTC ký ngày 09/7/2022 cho đến khi Công ty thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp, Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Cao Tú T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo như nội dung tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán ngày 09/7/2022 cho Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn- Bà Cao Tú T1 trình bày:

Bà xác nhận tính đến ngày 21/8/2024, dư nợ của Công ty tại Ngân hàng theo hợp đồng số: HCM2022584589/HDHMTTC là 505.987.915 đồng (trong đó: Nợ gốc: 365.905.977 đồng, nợ lãi: 140.081.938 đồng). Do Công ty đang gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho Công ty trả dần số nợ này.

Từ ngày 22/8/2024, Công ty vẫn tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm Hợp đồng hạn mức thấu chi số: HCM2022584589/HDHMTTC ký ngày 09/7/2022 cho đến khi Công ty thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp, Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Cao Tú T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo nội dung tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán ngày 09/7/2022 cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Bà Cao Tú T1 thống nhất với ý kiến trình bày của Bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Bà Nguyễn Thị Mỹ N không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vì kết quả giám định chữ ký, chữ viết tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán ngày 09/7/2022 và Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 09/7/2022 không phải của bà. Bà N tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân*

theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc: Trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo như nội dung tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán (V/v bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay tại Ngân hàng) ngày 09/7/2022 cho Ngân hàng. Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán (V/v bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay tại Ngân hàng) ngày 09/7/2022 chỉ có giá trị pháp lý ràng buộc nghĩa vụ đối với Bà T1, không có giá trị đối với Bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ngày 09/7/2022, Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH K1 (gọi tắt là Công ty) ký bản Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi (dành cho các sản phẩm thấu chi không có tài sản bảo đảm) số: HCM2022584589/HDHMTK (gọi tắt là Hợp đồng). Do Công ty không thanh toán đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Công ty có trụ sở tại Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc: 365.905.977đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng) theo Hợp đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 09/7/2022, Công ty có ký Hợp đồng, Công ty đã nhận đủ số tiền vay 382.000.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Sau khi được cấp tín dụng, Công ty không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, số tiền gốc Công ty đã trả 16.094.023 đồng, còn nợ Ngân hàng là 365.905.977 đồng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi Công ty trả ngay số tiền nợ gốc 365.905.977 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Do Công ty vi phạm Hợp đồng, Ngân hàng không đồng ý với phương án trả dần của Công ty nên việc Công ty đưa ra phương án trả dần nợ gốc là không có cơ sở xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty trả tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2024 là: 140.081.938 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 22/8/2024 cho đến khi Công ty trả hết nợ vay cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo trình bày của Ngân hàng, do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/7/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng, Công ty thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng, không có ý kiến gì khác.

Do đó việc Ngân hàng yêu cầu Công ty trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/8/2024 là: 140.081.938 đồng và yêu cầu Công ty trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/8/2024 cho đến khi Công ty trả hết nợ vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc: Trong trường hợp, Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Cao Tú T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo như nội dung tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán (V/v bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay tại Ngân hàng) ngày 09/7/2022 (gọi tắt là Thư bảo lãnh) cho Ngân hàng.

[2.3.1] Xét, đối với người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Mỹ N:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì Bà N có Hợp đồng ủy quyền cho bà Cao Tú T1 tham gia tố tụng, nội dung: Bà N (bên A) ủy quyền cho Bà T1 (Bên B) được toàn quyền thay mặt và nhân danh bên A tham gia toàn bộ quá trình tố tụng và toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan tới vụ kiện với tư cách là người đại diện hợp pháp của bên A. Tuy nhiên, sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải, hòa giải thành do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và gửi bản sao các biên bản này cho Bà N thì Bà N không đồng ý với thỏa thuận của các bên. Xét thấy việc ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sẽ ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của Bà N, không được Bà N đồng ý bằng văn bản nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.3.2] Xét tính hợp pháp của Thư bảo lãnh.

Xét thấy: Thư bảo lãnh được lập, dưới chữ ký có chữ viết ghi Cao Tú T1 và Nguyễn Thị Mỹ N. Nội dung bảo lãnh (tóm tắt): Nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại, hoàn trả, thanh toán... bất cứ nghĩa vụ nào phát sinh từ các khoản nợ của bên được bảo lãnh (Công ty) tại Techcombank theo: Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi số: HCM2022584589/HDHMTTC ngày 09/7/2022.

Bà N trình bày: Bà đã nghỉ làm từ năm 2018, không tham gia hoạt động kinh doanh của Công ty, bà không biết về khoản vay này, bà không ký, viết trong Thư bảo lãnh nên bà không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về nghĩa vụ bảo lãnh.

Theo kết quả giám định chữ ký, chữ viết của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký, chữ viết trên Thư bảo lãnh và Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 09/7/2022 do Ngân hàng xuất trình không phải chữ ký, chữ viết của Bà N do đó Thư bảo lãnh không có giá trị pháp lý ràng buộc nghĩa vụ đối với Bà N, bị vô hiệu một phần. Do đó Bà N không có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng trong trường hợp Công ty không trả, trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng.

[2.3.3] Xét nghĩa vụ bảo lãnh của Bà T1 đối với Hợp đồng:

Bà T1 xác nhận chữ ký, chữ viết và nội dung cam kết của bà trong Thư bảo lãnh, Bà T1 tự nguyện nhận nghĩa vụ bảo lãnh, vì sao trong Thư bảo lãnh và Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 09/7/2022 có chữ ký, chữ viết của Bà N thì bà không nhớ rõ. Bà đồng ý trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì một mình Bà T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo như nội dung Thư bảo lãnh cho Ngân hàng. Do đó cần chấp nhận phần yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc Bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ của Công ty theo Thư bảo lãnh.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Bà N tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc Công ty TNHH K1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/8/2024 là 505.987.915đ (Năm trăm lẻ năm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 365.905.977 đồng, nợ lãi: 140.081.938 đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi (dành cho các sản phẩm thấu chi không có tài sản bảo đảm) số: HCM2022584589/HDHMTTC ngày 09/7/2022.

Kể từ ngày 22/8/2024, Công ty TNHH K1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi (dành cho các sản phẩm thấu chi không có tài sản bảo đảm) số: HCM2022584589/HDHMTTC ngày 09/7/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp trong Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng hạn mức thấu chi (dành cho các sản phẩm thấu chi không có tài sản bảo đảm) số: HCM2022584589/HDHMTTC ngày 09/7/2022, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH K1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Cao Tú T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP K theo Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán (V/v bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay tại Ngân hàng) ngày 09/7/2022.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc: Trong trường hợp, Công ty TNHH K1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo như nội dung tại Thư bảo lãnh và cam kết thanh toán ngày 09/7/2022 cho Ngân hàng TMCP K.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định, bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp và đã thực hiện xong, không yêu cầu giải quyết số tiền này.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm 24.239.517đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi chín nghìn năm trăm mười bảy đồng), Công ty TNHH K1 phải chịu.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K 10.218.820đ (Mười triệu hai trăm mười tám nghìn tám trăm hai mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044610 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh